TOÀ ÁNNHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày 22/3/2018.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Trơi và bà H'Thủy Bon Jốc Ju.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Văn Nhượng – Thư ký TAND huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2017/TLST-DS, ngày 14/6/2017, về việc: *"Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐST -DS, ngày 13/10/2017 giữa:

Nguyên đơn: Ông Vi Văn E – Có mặt,

Trú tại: Thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Vũ Văn B – Vắng mặt.

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Mai S – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Vi Văn E trình bày:

Do quen biết nên ông Vi Văn E cho ông Vũ Văn B vay số tiền 411.000.000 đồng, có giấy nhận nợ ngày 09/11/2016, cùng ngày ông B thanh toán cho ông E số tiền 35.000.000 đồng. Ông B và ông E không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời hạn thanh toán là sau khi thu hoạch xong niên vụ cà phê năm 2016, 2017 (đầu năm 2017). Ngày 21/01/2017 ông B thanh toán thêm cho ông E số tiền 40.000.000 đồng, tổng cộng ông B đã thanh toán được 75.000.000 đồng, ông B còn nợ 336.000.000 đồng. Ông E đã yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng đến nay ông B không thanh toán, do đó ông E khởi kiện yêu cầu ông B phải thanh toán số tiền 336.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm, tính từ ngày 09/11/2016.

* *Đối với bị đơn ông Vũ Văn B*: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Mai S trình bày*: Ông Vũ Văn B vay tiền ông E để sử dụng vào mục đích cá nhân nên bà S không biết việc ông B vay tiền ông E, khi ông E đến nhà đòi tiền nợ thì bà S mới biết. Vì vậy, bà S không đồng ý thanh toán số tiền ông B nợ ông E.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn E, buộc ông Vũ Văn B phải thanh toán 336.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tính từ ngày 01/02/2017 cho ông E. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 09/11/2016. Buộc ông Vũ Văn B, ông Vi Văn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đơn khởi kiện của ông Vi Văn E thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

2. Về nội dung tranh chấp: Xét việc ông Vi Văn E yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Văn B thanh toán số tiền 336.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo giấy nhận nợ ngày 09/11/2016, Hội đồng xét xử thấy: Chứng cứ mà ông E cung cấp là giấy nhận nợ ngày 09/11/2016 có ký nhận của ông Vũ Văn B. Ông B nợ ông E 411.000.000 đồng, ông B đã thanh toán được số tiền 75.000.000 đồng. Vì vậy, ông B còn nợ ông E số tiền 336.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ông Vũ Văn B vắng mặt. Do xét xử vắng mặt ông B, nên để có căn cứ giải quyết vụ án ông Vi Văn E đã có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông B trong giấy nhận nợ ngày 09/11/2016. Tuy không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai của ông B nhưng qua xác minh được biết ông Vũ Văn B là chủ tịch cựu chiến binh xã Đ, ông B có ký hợp đồng ủy thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Ông B là đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thôn Đắk Cao, thuộc Đảng ủy xã Đắk Sôr. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành mượn bản tự kiểm điểm đảng viên của ông B tại Đảng ủy xã Đ và hợp đồng ủy thác số 03/HĐUT ngày 25/12/2014 tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam để tiến hành trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ ký, chữ viết trong giấy nhận nợ ngày 09/11/2016 so với chữ ký, chữ viết trong hợp đồng ủy thác ngày 25/12/2014 và chữ ký, chữ viết trong bản kiểm điểm đảng viên của ông Vũ Văn B là do cùng một người viết ra.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005 buộc ông Vũ Văn B thanh toán tiền nợ gốc là 336.000.000 đồng cho ông E.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Theo kết quả

xác minh, ngày 05/10/2017 ông B đến UBND xã Đ, huyện K nhận tiền nghỉ việc đối với cán bộ chuyên trách cấp xã. Vì vậy, ông B biết quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

3. Về tiền lãi:

Đối với yêu cầu tính lãi suất của ông E đối với số tiền 336.000.000 đồng theo lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước là 9%/năm = 0.75%/tháng: Hội đồng xét xử thấy trong giấy nhận nợ ngày 09/11/2016, ông B có thỏa thuận thời hạn thanh toán là khi thu xong cà phê niên vụ 2016 – 2017. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xác định thời điểm ông B vi phạm hợp đồng vay tiền để tính lãi suất là thời điểm thu hoạch xong niên vụ cà phê năm 2016 – 2017, là ngày 01/02/2017 (theo biên bản xác minh ngày 24/01/2018 tại phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Krông Nô). Do đó không tính lãi suất từ ngày 09/11/2016 mà cần tính lãi từ ngày 01/02/2017. Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 22/3/2018 là 13 tháng 22 ngày, với mức lãi suất theo lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước là 9%/năm = 0.75%/tháng.

Tiền lãi là: 336.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 13 tháng 22 ngày = 34.608.000 đồng.

Tổng số tiền ông Vũ Văn B phải thanh toán cho ông Vi Văn E là 336.000.000 đồng + 34.608.000 đồng = 370.608.000 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 336.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 34.608.000 đồng.

4. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Mai S.

Bà S không biết việc ông B vay tiền ông E, ông B vay để sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó, bà S không đồng ý thanh toán số tiền ông B nợ ông E. Ông E khởi kiện và yêu cầu ông B thanh toán toàn bộ số tiền ông B nợ. Vì vậy, HĐXX thấy ông B phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi suất cho ông E, bà S không có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông E.

5. Về chi phí trưng cầu giám định: Ông E có đơn yêu cầu trưng cầu giám định. Do đó, ông E phải nộp toàn bộ chi phí trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn E được chấp nhận nên ông Vũ Văn B phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với yêu cầu tính lãi suất từ ngày 09/11/2016 đến ngày 30/01/2017 của ông Vi Văn E không được chấp nhận, Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy, ông Vi Văn E không cần phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn E.

Buộc ông Vũ Văn B phải thanh toán cho ông Vi Văn E số tiền 370.608.000 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 336.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 34.608.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí trưng cầu giám định: Ông Vi Văn E phải nộp toàn bộ chi phí trưng cầu giám định là 5.800.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền ông E đã nộp tạm ứng chi phí giám định.

Về án phí: Buộc ông Vũ Văn B phải nộp 18.530.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Vi Văn E số tiền 8.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên theo biên lai số 0003545, ngày 13/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niE yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 – Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được bổ sung năm 2014, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Trọng Sơn

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND H.Krông Nô 02 bản;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Nô;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*